

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS - ST
Ngày 16 tháng 10 năm 2019
“*V/v Tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên
2. Bà Lê Thị Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 16 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2018/TLST - DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “***Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST - DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thân Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Lô 02, đường HS, tổ 10, phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Cai Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ: 390-392 LĐH, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Đăng M, sinh năm 1987

Địa chỉ: 439B PVD, tổ 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2017, bản tự khai ngày 21/8/2017, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thân Thị T trình bày:

Ngày 10/02/2017, bà Cai Thị L vay bà số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và viết Giấy mượn tiền trong đó thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 12/02/2017 âm lịch (tức ngày 19/3/2017 dương lịch), lãi suất do hai bên thỏa thuận. Đến hạn, bà Cai Thị L không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận. Sau nhiều lần bà yêu cầu bà L trả nợ thì bà L chỉ mới trả được cho bà 10.000.000 đồng tiền gốc bằng hình thức chuyển khoản còn tiền lãi vẫn chưa thanh toán. Quá trình Tòa án giải quyết, bà Cai Thị L cho rằng đã trả cho bà toàn bộ số nợ trên cụ thể: bà L đã trả cho bà 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản; trả cho bà 20.000.000 đồng thông qua ông Trần Đăng M và trả 10.000.000 đồng thông qua bà N. Bà chỉ thừa nhận bà Cai Thị L trả cho bà 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản còn bà không nhận số tiền 30.000.000 đồng từ ông Trần Đăng M và bà N như bà L đã trình bày nên việc bà L đã trả cho bà toàn bộ số nợ 40.000.000 đồng là không đúng sự thật. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc bà Cai Thị L phải trả 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/3/2017.

Tại phiên tòa bị đơn bà Cai Thị L vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 12/9/2017 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của bà Cai Thị L như sau:

Bà công nhận vào ngày 10/02/2017 có vay của bà Thân Thị T số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả nợ là ngày 12/02/2017 âm lịch (tức ngày 19/3/2017 dương lịch) theo Giấy mượn tiền ngày 10/02/2017. Tuy nhiên bà đã trả cho bà Thân Thị T toàn bộ số nợ trên, cụ thể như sau:

- Ngày 27/3/2017 bà chuyển trả vào tài khoản của bà Thân Thị T số tiền 10.000.000 đồng.

- Tháng 3/2017 (bà không nhớ ngày), bà có nhờ bà N (Bạn của bà) trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng.

- Vào ngày 04/5/2017 bà T có thuê ông Trần Đăng M đến gặp bà để đòi nợ, bà đã đưa cho ông M 20.000.000 đồng và ông M có viết giấy nhận tiền.

Do tin tưởng bà Thân Thị T nên sau khi thanh toán xong nợ bà không lấy lại Giấy mượn tiền ngày 10/02/2017. Bà đã trả xong khoản nợ nói trên cho bà T nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị T.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đăng M vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 31/5/2018 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của ông Trần Đăng M như sau:

Ông và bà Thân Thị T có thỏa thuận miệng về việc đòi nợ bà Cai Thị L với số tiền 40.000.000 đồng thay cho bà T và giao cho ông một giấy mượn nợ photocopy. Ông đã nhận của bà Cai Thị L số tiền 20.000.000 đồng nhưng chưa đưa cho bà T vì đây là số tiền thỏa thuận bà T trả công cho trong trường hợp đòi được nợ. Ông và bà Thân Thị T quen biết nhau trong 02 năm, bà T thường xuyên nhờ ông đòi nợ thay cho bà vì bà cho nhiều người vay tiền khác nhau vì vậy bà T trình bày không có quan hệ gì với ông là không đúng sự thật. Đối với số tiền 20.000.000 đồng ông đã nhận của bà Cai Thị L, trường hợp bà Thân Thị T yêu cầu ông sẽ trả cho bà T trong thời hạn 08 tháng. Đối với việc bà Thân Thị

T khởi kiện bà Cai Thị L phải thanh toán cho bà T khoản nợ 30.000.000 đồng, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm vụ án theo bản án dân sự phúc thẩm số 37/2018/DS – PT ngày 18 tháng 10 năm 2018 là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ: lấy lời khai của ông Trần Đăng M, ông Nguyễn Quang K, xác định lại tư cách tố tụng của ông Trần Đăng M, quyết định đối chất, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Nguyên đơn bà Thân Thị T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn bà Cai Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đăng M, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Ông Trần Đăng M nhận số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng từ bà Cai Thị L mục đích để trả một phần số nợ 40.000.000 đồng mà bà L nợ bà Thân Thị Tt và cam đoan sẽ trả cho bà T khi có yêu cầu. Tuy nhiên bà T không thừa nhận đã yêu cầu ông Trần Đăng M thực hiện công việc đòi nợ thay cho bà và bà T không yêu cầu ông Minh trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng mà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Cai Thị L. Từ đó Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị T, buộc bà Cai Thị L phải trả cho bà Thân Thị T số tiền nợ gốc 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà Cai Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bên vay bà Cai Thị L cam kết thời hạn trả nợ “*Hẹn đến ngày 12/2/17 A lịch. tức ngày 19/3/2017DL*” nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nên bên cho vay bà Thân Thị T đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ việc vay mượn tiền theo Giấy mượn tiền ngày 10/02/2017 nên đây là Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Cai Thị L cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn bà Cai Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đăng M tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà L, ông M vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt bà Cai Thị L và ông Trần Đăng M.

[2] Theo Giấy mượn tiền ngày 10/2/2017 thể hiện bà Cai Thị L vay của bà Thân Thị T 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận, hạn trả nợ là 19/3/2017. Giấy mượn tiền được lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, nội dung, đối tượng giao kết hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Bên cạnh đó bà Cai

Thị L công nhận việc vay nợ và viết Giấy mượn tiền ngày 10/2/2017 cho bà Thân Thị T. Như vậy bà Cai Thị L vay tiền của bà Thân Thị T với số tiền vay gốc được thừa nhận giữa các bên là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và đây là khoản vay có lãi.

Bà Cai Thị L trình bày đã trả toàn bộ số nợ gốc 40.000.000 đồng cho bà Thân Thị T bằng nhiều hình thức khác nhau, cụ thể: chuyển trả 10.000.000 đồng vào tài khoản của bà Thân Thị T, bà đưa cho ông Trần Đăng M – người mà bà T thuê đòi nợ thay 20.000.000 đồng để trả cho bà T và cuối cùng nhờ bà N trả 10.000.000 đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà L trả cho bà T bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản đứng tên bà Thân Thị T có Giấy nộp tiền mặt ngày 27/03/2017 và số tiền trả nợ này cũng được bà T thừa nhận nên hoàn toàn có căn cứ xác định bà L đã trả cho bà T 10.000.000 đồng tiền nợ gốc

Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà L đã đưa cho ông Trần Đăng M để trả nợ cho bà T, bà Cai Thị L cung cấp cho Tòa án bản tự khai ngày 31/5/2018 và Giấy nhận tiền ngày 04/5/2017 do ông Trần Đăng M thừa nhận đã viết và nhờ bà L nộp cho Tòa án. Trong bản tự khai ngày 31/5/2018 ông Trần Đăng M thừa nhận “.... *tôi có nhận của bà L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)...*” phù hợp với nội dung Giấy nhận tiền ngày 04/5/2017 “*Nay tôi viết giấy này để xác nhận tôi có nhận của ông (bà) Cai Thị L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)*”. Do đó việc bà Cai Thị L đưa cho ông Trần Đăng M số tiền 20.000.000 đồng là có thật, đã được ông M thừa nhận bằng văn bản. Tuy nhiên việc ông Trần Đăng M nhận số tiền 20.000.000 đồng theo sự ủy thác đòi nợ của bà Thân Thị T vì “*Giữa tôi và bà T có thỏa thuận tôi đi đòi nợ cho bà T...Tôi khẳng định giữa tôi và bà Tt có quen biết trong khoảng 2 năm nay, bà Tt thường xuyên nhờ tôi đi lấy nợ cho bà T vì bà T có cho nhiều người vay tiền*” (Bản tự khai ngày 31/5/2018) chỉ là lời trình bày từ một phía của ông M. Bà Thân Thị T không thừa nhận có quan hệ với ông Trần Đăng M cũng như yêu cầu ông M thực hiện công việc đòi nợ thay. Ông M không đến Tòa án để đối chất với bà T làm rõ việc ủy thác đòi nợ và bà L, ông M cũng không cung cấp được chứng cứ trực tiếp chứng minh bà T ủy thác cho ông M thực hiện việc đòi nợ. Bên cạnh đó việc ông Trần Đăng M giữ bản photocopy của Giấy mượn tiền ngày 10/2/2017 không phải là chứng cứ gián tiếp xác định giữa ông M và bà T có mối quan hệ liên quan đến việc ủy thác đòi nợ thay vì cũng chỉ có lời khai từ phía ông M, không có chứng cứ xác nhận ông M có được bản photocopy Giấy mượn tiền ngày 10/2/2017 từ nguồn duy nhất là bà Thân Thị T. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định không có căn cứ xác định bà L đã trả cho bà T số tiền 20.000.000 nợ gốc thông qua việc đưa tiền cho ông Trần Đăng M.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà L đã nhờ bà N trả cho bà Tt, bản thân bà L trình bày bà N là bạn của bà L nhưng bà L không cung cấp được họ tên và địa chỉ của bà N, không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà N đã trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng và việc này cũng không được bà T thừa nhận nên không có căn cứ xác định bà L đã trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc thông qua bà N.

Ngoài ra bà Cai Thị L trình bày ông Nguyễn Quang K – chồng của bà - có trả cho bà Thân Thị T 20.000.000 đồng nhưng bà T không thừa nhận. Tòa án đã tiến hành triệu tập

ông K để lấy lời khai làm rõ sự việc nhưng ông K không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản đề cập đến nội dung này và bà L không cung cấp cho Tòa án chứng cứ liên quan đến việc ông K trả tiền cho bà T nên không có cơ sở xác định bà L đã trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng thông qua ông Nguyễn Quang K đồng thời không xác định tư cách tổ tụng của ông K trong vụ án này.

Từ các nhận định nêu trên có căn cứ xác định bà Cai Thị L còn nợ bà Thân Thị T số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc nên yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị T yêu cầu bà Cai Thị L trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Đây là hợp đồng vay có lãi, bà Cai Thị L vi phạm thời hạn trả nợ đã cam kết là ngày 19/3/2017 nên bên cạnh tiền gốc bà L có nghĩa vụ trả tiền lãi theo yêu cầu của bà Thân Thị T là phù hợp quy định của pháp luật. Do bà T và bà L không xác định được lãi suất cụ thể nên căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự mức lãi suất làm căn cứ tính lãi là 10%/năm. Từ thời điểm ngày 27/3/2017 đến ngày 16/10/2019 là 02 năm 06 tháng 19 ngày

$30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 7.671.000$ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn) đồng

Tổng cộng cần buộc bà Cai Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Thân Thị T số tiền 37.671.000 (Ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn) đồng trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 7.671.000 đồng tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 31/5/2018 ông Trần Đăng M cam kết “Số tiền 20.000.000đ tôi đã lấy từ bà L nếu bà T đòi lại tôi sẽ trả” tuy nhiên bà Thân Thị T chỉ yêu cầu bà Cai Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng ông M đã nhận của bà L, bà Cai Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu ông Trần Đăng M trả lại cho bà bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Thân Thị T được chấp nhận nên bà Cai Thị L phải chịu án phí $37.671.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.883.550$ (Một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm năm mươi) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015
- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 97, Điều 186, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị T

Buộc bà Cai Thị L trả cho bà Thân Thị T số tiền 37.671.000 (Ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn) đồng trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 7.671.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Cai Thị L phải chịu 1.883.550 (Một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm năm mươi) đồng.

Bà Thân Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 (Tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003470 ngày 25/7/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Thân Thị T có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bà Cai Thị L và ông Trần Đăng M vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA